TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 09 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị B, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình,

Bị đơn: Anh Nguyễn Đại H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình,

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị B và anh Nguyễn Đại H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Võ Thị B và anh Nguyễn Đại H thống nhất vợ chồng có 03 đứa con chung, cháu Nguyễn Đại C, sinh ngày 23/6/1999; cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 15/6/2004; cháu Nguyễn Đại S, sinh ngày 22/02/2015. Cháu C đã trên 18 tuổi, cháu B và S hiện đang sống cùng chị B. Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Ngọc B cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đại S cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con chung cho bên nào. Hai bên có

quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về chia tài sản và nợ chung: Vợ chồng thống nhất có một số tài sản chung gồm nhà, đất, một số tài sản chung khác và nợ chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Võ Thị B và anh Nguyễn Đại H mỗi người phải nộp 75.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị B thỏa thuận nộp thay án phí ly hôn cho anh H. Số tiền án phí chị B phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số 0001105 ngày 21/12/2017; chị B được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã A;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn